

Số: /QĐ-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/QĐ-TTg ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành (để báo cáo);
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, TCLN.

BỘ TRƯỞNG

Lê Minh Hoan

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCLN ngày / / của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Nhằm triển khai việc thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ, được đồng bộ, kịp thời, thống nhất và hiệu quả, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Chiến lược) với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa các nhiệm vụ, định hướng và giải pháp trong Chiến lược; triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách cần ưu tiên thực hiện Chiến lược; xây dựng các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đồng bộ, kịp thời và thống nhất.

b) Triển khai thực hiện hiệu quả, có chất lượng các nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao trong Chiến lược nhằm nâng cao công tác quản lý, điều hành; gắn kết giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với các Bộ, ngành trung ương, địa phương trên phạm vi cả nước và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện Chiến lược.

2. Yêu cầu

a) Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phải đảm bảo đầy đủ nội dung, cụ thể hóa các định hướng và giải pháp của Chiến lược đến các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm tạo đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai, thực hiện Chiến lược.

b) Trên cơ sở nội dung định hướng, giải pháp của Chiến lược và Kế hoạch hành động này, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ cụ thể, chi tiết; đồng thời, tổ chức thực hiện hiệu quả nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, định hướng, giải pháp đã đặt ra trong Chiến lược, Kế hoạch thực hiện Chiến lược của Bộ.

c) Về đột phá chiến lược:

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm lâm sản;

- Nâng cao năng suất chất lượng các loại rừng, quy hoạch hài hòa các loại rừng, đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc ổn định ở mức 42% đến 43%;

- Phát triển kinh tế lâm nghiệp trong đó phát triển công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ, công nghiệp phụ trợ, sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao, thương hiệu Việt để đạt được các mục tiêu của chiến lược, như chỉ tiêu giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản đạt 18 đến 20 tỷ USD vào năm 2025 và 23 đến 25 tỷ USD vào năm 2030; xã hội hóa nghề rừng, đa dạng hóa và mở rộng các nguồn thu trong đó trú trọng tới nguồn thu từ các loại dịch vụ môi trường rừng;

- Nâng cao đời sống của người dân làm nghề rừng, phấn đấu đến năm 2025, mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số làm lâm nghiệp tăng trên 2 lần so với năm 2020, đến năm 2030 mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số làm lâm nghiệp bằng 1/2 bình quân chung của cả nước.

d) Tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án thực hiện Chiến lược đảm bảo hiệu quả, thường xuyên; đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Chiến lược.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến triển khai thực hiện Chiến lược

Các đơn vị trực thuộc Bộ; các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược, tổ chức tuyên truyền, phổ biến và quán triệt các nội dung của Chiến lược, Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị trong toàn ngành và các địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc triển khai thực hiện Chiến lược.

2. Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách lâm nghiệp

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện hành; Luật Lâm nghiệp 2017, các văn bản hướng dẫn thi hành luật Lâm nghiệp 2017.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về lâm nghiệp trên cơ sở Luật Lâm nghiệp 2017, đảm bảo hài hòa với Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đa dạng sinh học, Luật Bảo vệ môi trường, pháp luật liên quan và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết tham gia, để đáp ứng yêu cầu phát triển lâm nghiệp bền vững. Nghiên cứu, xây dựng, triển khai các cơ chế, chính sách mới.

- Đổi mới cơ chế, chính sách nhằm huy động đa dạng các nguồn lực cho phát triển lâm nghiệp nói chung và phát triển lâm nghiệp gắn với giảm nghèo bền vững ở các vùng đặc biệt khó khăn, dân tộc thiểu số có nhiều rừng.

3. Xây dựng, triển khai hiệu quả, chất lượng Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, chương trình, đề án, dự án, kế hoạch phát triển ngành lâm nghiệp

- Xây dựng, triển khai hiệu quả quy hoạch lâm nghiệp quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng, tổ chức triển khai Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; 2026-2030.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch cơ cấu lại lĩnh vực lâm nghiệp phù hợp với Chiến lược; Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các Chương trình, đề án về lâm nghiệp đã được phê duyệt; xây dựng, tổ chức thực hiện hiệu quả các đề án, kế hoạch, dự án do Chính phủ, Thủ tướng Chính Phủ, phục vụ công tác quản lý điều hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Tổ chức triển khai hiệu quả các hoạt động sản xuất lâm nghiệp

Tổ chức triển khai hiệu quả các hoạt động sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi: Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng; Phát triển rừng; Sử dụng rừng; Phát triển công nghiệp chế biến, thương mại lâm sản.

5. Bố trí, huy động các nguồn lực đầu tư phát triển ngành lâm nghiệp

- Đa dạng nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện Chiến lược, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn thực hiện Chiến lược.

6. Xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đồng bộ, hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và dịch vụ logistics

- Xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đáp ứng yêu cầu trong phát triển; gắn kết các vùng nguyên liệu, nâng cao hiệu quả sản xuất ngành lâm nghiệp

- Đẩy mạnh cơ giới hóa, tự động hóa đồng bộ tại các vùng sản xuất lâm nghiệp hàng hóa tập trung.

- Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về cơ giới hóa và chế biến lâm sản.

- Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường, đa dạng hóa thị trường nhất là phát triển các thị trường tiềm năng, thị trường mới nổi.

- Xây dựng và phát triển thương hiệu gỗ Việt.

7. Phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ và khuyến lâm

- Tăng cường nghiên cứu; ứng dụng, chuyển giao tiến bộ, khoa học công nghệ. Xây dựng các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ; tiêu chuẩn; quy chuẩn; định mức.

- Tăng cường năng lực hệ thống nghiên cứu và khuyến lâm.

8. Tổ chức sản xuất kinh doanh, tăng cường năng lực trong công tác quản lý, đào tạo nguồn nhân lực

- Tăng cường năng lực trong công tác quản lý; nâng cao năng lực cơ sở đào

tạo; phát triển nguồn nhân lực; và chất lượng nguồn nhân lực ngành lâm nghiệp.

- Tổ chức sản xuất kinh doanh: Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty lâm nghiệp; phát triển lâm nghiệp hộ gia đình, trang trại, cộng đồng thôn bản và hợp tác xã.

9. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế

Tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế về lâm nghiệp; tham gia tích cực và hợp tác chặt chẽ với các tổ chức lâm nghiệp quốc tế, khu vực và song phương về triển khai các chương trình, dự án, hoạt động tăng cường năng lực, chuyển giao, hợp tác trong lĩnh vực lâm nghiệp.

10. Tổ chức giám sát và đánh giá hiệu quả Chiến lược

- Xây dựng, triển khai hệ thống lập kế hoạch và giám sát ngành lâm nghiệp trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, đồng bộ phục vụ công tác quản lý, quy hoạch và phát triển sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp, cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

- Xây dựng Bộ chỉ số theo dõi và cơ chế giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược. Tổ chức thực hiện giám sát và đánh giá Chiến lược; các chương trình, dự án, đề án thực hiện Chiến lược đảm bảo hiệu quả, thường xuyên, định kỳ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng cục Lâm nghiệp

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan quản lý và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Tham mưu xây dựng, trình phê duyệt Bộ chỉ số theo dõi và cơ chế giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu theo dõi, giám sát, đánh giá Chiến lược;

- Tham mưu xây dựng, trình cấp thẩm quyền phê duyệt; tổ chức triển khai các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án ưu tiên thực hiện Chiến lược;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng thuộc Bộ hướng dẫn chính sách, nghiệp vụ triển khai các hoạt động của Chiến lược cho các địa phương;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và địa phương tổ chức kiểm tra, thực hiện chế độ giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược, các chương trình, đề án, dự án thực hiện Chiến lược; tham mưu cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ hoặc đột suất, hàng năm, sơ kết 5 năm, tổng kết 10 năm tình hình thực hiện Chiến lược báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

- Xây dựng dự án tăng cường năng lực triển khai thực hiện Chiến lược; xây dựng kế hoạch, kinh phí thực hiện các hoạt động quản lý, thực hiện Chiến lược hàng năm;

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, nâng cao năng lực, nhận thức về công tác bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, các hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp.

2. Vụ Kế hoạch

- Chủ trì, phối hợp với Tổng cục Lâm nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tập trung, huy động, phân bổ nguồn lực thực hiện xây dựng các chương trình, đề án, dự án đầu tư phát triển ngành lâm nghiệp. Tham mưu bố trí nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác thực hiện các mục tiêu Chiến lược.

- Tăng cường xúc tiến đầu tư, thông tin cho nhà đầu tư, nhà tài trợ, chính quyền địa phương để thu hút vốn ngoài ngân sách tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng, nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ cao, công nghệ số vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, chế biến, tiêu thụ sản phẩm lâm nghiệp.

3. Vụ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch, Tổng cục Lâm nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên hướng dẫn, bố trí kinh phí từ các nguồn để thực hiện các nhiệm vụ Chiến lược theo quy định; triển khai các nhiệm vụ về xây dựng danh mục, đơn giá, giá sản phẩm dịch vụ công lĩnh vực lâm nghiệp.

4. Vụ Hợp tác Quốc tế

- Đàm phán, hợp tác với các nước, các tổ chức tài chính quốc tế để phát triển mở rộng các thị trường trọng điểm và tiềm năng; Nâng cao năng lực trao đổi, tiếp cận thông tin thị trường, thương mại lâm nghiệp cho doanh nghiệp, cán bộ quản lý và các bên có liên quan; thu hút thêm vốn ngoài nước để thực hiện Chương trình.

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất mở rộng cho khối doanh nghiệp và tư nhân tham gia sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, kết hợp với vay thương mại thông thường để bổ sung nguồn vốn ngoài ngân sách thực hiện Chương trình.

5. Vụ Khoa học công nghệ và môi trường

Chủ trì, phối hợp với Tổng cục Lâm nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng và triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học công nghệ phục vụ phát triển lâm nghiệp; đôn đốc và chủ trì thẩm định định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng dịch vụ công trong lĩnh vực lâm nghiệp.

6. Thanh tra Bộ

Phối hợp với Tổng cục Lâm nghiệp tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc:

- Tổ chức thực hiện việc phân loại rừng, phân định ranh giới các loại rừng theo thẩm quyền;

- Giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng đối với tổ chức; tổ chức trồng rừng thay thế; tổ chức bảo vệ rừng; phát triển rừng; sử dụng rừng.

7. Cục Chế biến và Phát triển Thị trường Nông sản

Chủ trì, phối hợp với Tổng cục Lâm nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên

quan tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ về Phát triển công nghiệp chế biến, thương mại lâm sản.

8. Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, Trường Đại học Lâm nghiệp

- Chủ trì, phối hợp với Tổng cục Lâm nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ, định hướng giải pháp về thực hiện phát triển ứng dụng khoa học công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực, khuyến lâm

- Chủ trì xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến phát triển ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực trong Chiến lược; phối hợp xây dựng, triển khai các đề án, đề tài nghiên cứu các lĩnh vực ưu tiên ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển giao, nâng cao năng lực, đào tạo nguồn nhân lực, đảm bảo hiệu quả, chất lượng.

- Phối hợp với Tổng cục Lâm nghiệp rà soát, xây dựng, hoàn thiện các định mức, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giống cây trồng lâm nghiệp, các hướng dẫn kỹ thuật lâm sinh, quản lý rừng bền vững, gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

9. Viện Điều tra Quy hoạch rừng

Chủ trì, phối hợp với Tổng cục Lâm nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ, định hướng giải pháp về điều tra, quy hoạch, đánh giá tài nguyên rừng quốc gia.

10. Ban quản lý các Dự án lâm nghiệp

Phối hợp với Tổng cục Lâm nghiệp lồng ghép hoạt động, nguồn vốn các dự án hợp tác quốc tế do Ban quản lý với nguồn vốn trong nước để thực hiện các Chương trình, đề án, dự án thực hiện Chiến lược.

11. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia: Phối hợp với Tổng cục Lâm nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ, định hướng giải pháp về khuyến lâm.

12. Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với Tổng cục Lâm nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao trong Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; phát triển các mô hình sinh kế giúp cải thiện đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo vệ và phát triển rừng; bảo hiểm trong lâm nghiệp, bảo hiểm rừng trồng; phát triển vùng nguyên liệu cho các làng nghề của Việt Nam.

13. Các đơn vị thuộc Bộ: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động, tích cực phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch này, bảo đảm tiến độ, chất lượng hiệu quả.

14. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều hành, tổ chức thực hiện Chiến lược tại địa phương và phân cấp trách nhiệm cụ thể cho các ngành, các cấp thực hiện Chiến lược phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Ban hành kế hoạch hành động, tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược tại địa phương. Ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư do Tỉnh quản lý, chủ động huy động các nguồn lực hợp pháp thực hiện các chương trình, đề án, dự án... thực hiện hoàn thành các mục tiêu Chiến lược đề ra.

- Nghiên cứu, ban hành cơ chế huy động nguồn lực của địa phương và vốn ngoài ngân sách phù hợp điều kiện của địa phương để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Chiến lược; thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác có cùng nội dung, nhiệm vụ với Chiến lược.

- Tổ chức tuyên truyền, công khai thông tin tổ chức, triển khai thực hiện Chiến lược.

- Chỉ đạo thực hiện, tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Chiến lược trên địa bàn; thực hiện chế độ báo cáo, đánh giá Chiến lược theo quy định và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

14. Các Hội, Hiệp hội ngành lâm nghiệp

Tổ chức tuyên truyền, công khai thông tin của Chiến lược, kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và của các Tỉnh/thành phố đến các hội viên, kết nối thông tin với cơ quan quản lý Chiến lược các cấp để các hoạt động của Chiến lược hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh.

15. Các Tổ chức Nghiên cứu, Tổ chức có liên quan ngành lâm nghiệp

Phối hợp, hợp tác trong việc nghiên cứu, đề xuất, triển khai các chương trình, dự án liên quan đến các lĩnh vực, hoạt động ưu tiên ngành lâm nghiệp; xây dựng, triển khai các mô hình điển hình lâm nghiệp; tăng cường năng lực, trao đổi kinh nghiệm, các lĩnh vực hợp tác khác trong ngành lâm nghiệp.

(Chi tiết các nhiệm vụ thực hiện Chiến lược tại Phụ lục kèm theo)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**Phụ lục:
KẾ HOẠCH**

Thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

(kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCLN ngày / / của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
I	TỔ CHỨC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC				
1	Tuyên truyền, phổ biến nội dung Chiến lược, Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược; tăng cường giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng, pháp luật lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	Hàng năm
2	Các đơn vị trực thuộc Bộ; các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược tại địa phương, tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Kế hoạch thực hiện Chiến lược của Bộ	UBND các tỉnh; các đơn vị thuộc Bộ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2021	2021-2030
II	HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH NGÀNH LÂM NGHIỆP				
1	Tiếp tục triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện hành; Luật Lâm nghiệp 2017, các văn bản hướng dẫn thi hành luật Lâm nghiệp 2017	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	Hàng năm
2	Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	Hàng năm
3	Nghiên cứu đề xuất xây dựng, triển khai các cơ chế, chính sách mới	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan		
3.1	Xây dựng, triển khai Nghị định về chính sách đầu tư	Tổng cục Lâm	Các cơ quan, đơn vị,	2021-2022	2021-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
	bảo vệ và phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản	ngành	địa phương có liên quan		
3.2	Nghiên cứu, xây dựng chính sách thúc đẩy xã hội hóa nghề rừng, quản lý rừng tự nhiên, phát triển lâm nghiệp công đồng, dịch vụ môi trường rừng	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2024-2025	Năm 2025-2030
3.3	Nghiên cứu xây dựng chính sách cung ứng dịch vụ sự nghiệp công đối với các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2021	2021-2023
3.4	Chính sách khuyến khích đổi mới, sáng tạo và ứng dụng khoa học công nghệ, chế biến sâu, phát triển sản phẩm từ gỗ và lâm sản ngoài gỗ, thương hiệu và thị trường trong lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2024-2025	2025-2030
3.5	Xây dựng hoàn chỉnh cơ chế chính sách đầu tư, thu hút đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2024-2025	2025-2030
3.6	Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách bảo hiểm trong lâm nghiệp, bảo hiểm rừng trồng.	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2024-2025	2025-2030
4	Thực hiện thí điểm các mô hình sản xuất, dịch vụ lâm nghiệp để làm cơ sở tổng kết, đánh giá, xây dựng mới các cơ chế, chính sách về lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2021-2022	2022-2030
III	XÂY DỰNG, TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ, CHẤT LƯỢNG QUY HOẠCH LÂM NGHIỆP QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH LÂM NGHIỆP				
1	Xây dựng, triển khai hiệu quả quy hoạch lâm nghiệp quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2021-2022	2021-2030
2	Xây dựng, tổ chức triển khai Chương trình phát triển	Tổng cục Lâm	Các cơ quan, đơn vị,	2021; 2025	2021-2025;

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
	lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; 2026-2030	ngành	địa phương có liên quan		2026-2030
3	Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch cơ cấu lại lĩnh vực lâm nghiệp phù hợp với Chiến lược; Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2021	2021-2025
4	Tiếp tục triển khai hiệu quả các Chương trình, đề án về lâm nghiệp đã được phê duyệt				
4.1	Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các - bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến năm 2030 (Chương trình REDD+)	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan		2021-2030
4.2	Triển khai hiệu quả các hạng mục nhiệm vụ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030 tại Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ.	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan		2021-2030
4.3	Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan		2021-2030
4.4	Đề án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016-2030	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan		2021-2030
4.5	Đề án tăng cường năng lực quản lý hệ thống khu bảo tồn đến năm 2025, tầm nhìn 2030	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan		2021-2030
4.6	Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025	Tổng cục Lâm	Các Bộ, ngành, cơ		2021-2025

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
		ngiệp	quan, đơn vị, địa phương có liên quan		
5	Xây dựng và triển khai hiệu quả các Đề án, dự án trọng điểm	Tổng cục Lâm ngiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan		
5.1	Đề án nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2021-2030	Tổng cục Lâm ngiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2021-2022	2021-2030
5.2	Đề án Kiểm kê rừng toàn quốc	Tổng cục Lâm ngiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2021	2022-2023
5.3	Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ bền vững giai đoạn 2021-2030	Tổng cục Lâm ngiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2021-2022	2021-2030
5.4	Đề án Thí điểm cho thuê môi trường rừng để nuôi trồng, phát triển cây dược liệu	Tổng cục Lâm ngiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2021	2021-2025
5.5	Đề án Bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Bắc giai đoạn 2021-2030	Tổng cục Lâm ngiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2021-2022	2021-2030
5.6	Đề án Bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030	Tổng cục Lâm ngiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2021	2021-2030
5.7	Đề án Phát triển giống cây lâm nghiệp	Tổng cục Lâm ngiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2021-2022	2021-2030
5.8	Đề án nâng cao năng lực hệ thống rừng đặc dụng, rừng	Tổng cục Lâm	Các cơ quan, đơn vị,	2024-2025	2021-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
	phòng hộ	ngành	địa phương có liên quan		
5.9	Đề án thương hiệu gỗ Việt	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2022	2021-2030
5.10	Đề án phát triển các dịch vụ hệ sinh thái rừng	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2024-2025	2021-2030
5.11	Đề án phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu theo hướng thâm canh, bền vững	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2024-2025	2021-2030
5.12	Đề án phát triển trồng rừng gỗ lớn, chuyển hóa rừng trồng kinh doanh gỗ nhỏ sang gỗ lớn	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2024-2025	2021-2030
5.13	Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và sản xuất ngành lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2021	2021-2030
5.14	Đề án "Phát triển bền vững cây Mắc Ca giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050"	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2021	2021-2030
5.15	Đề án/dự án điều tra rừng toàn quốc	Viện Điều tra Quy hoạch rừng	Tổng cục Lâm nghiệp; các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2022	2023-2025
5.16	Triển khai Tiểu Dự án Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2021-2022	2021-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
	kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030				
6	Triển khai thực hiện hiệu quả các kế hoạch				
6.1	Kế hoạch hành động bảo tồn các loài sinh vật nguy cấp, quý, hiếm bị đe dọa tuyệt chủng	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan		2021-2030
6.2	Kế hoạch phát triển ngành lâm nghiệp hàng năm, trung hạn, các giai đoạn 2021-2025, 2026-2030; Kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn 2021-2025, 2026-2030	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2021; 2025	2021-2025; 2026-2030
7	Triển khai xây dựng, tổ chức thực hiện hiệu quả các Đề án, kế hoạch, dự án do Chính phủ, Thủ tướng Chính Phủ, phục vụ công tác quản lý điều hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030
IV	TỔ CHỨC TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP				
1	Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng				
1.1	Quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng và cung cấp các dịch vụ môi trường rừng, đảm bảo an ninh nguồn nước; hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích ngoài lâm nghiệp	UBND các tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	Hàng năm
1.2	Hoàn thành việc giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, bảo đảm tất cả diện tích rừng và đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp phải được giao, cho thuê đến những chủ rừng thực sự.	UBND các tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
1.3	Xây dựng các mô hình gắn kết cộng đồng địa phương tham gia và chia sẻ lợi ích công bằng vào công tác quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.	Tổng cục Lâm nghiệp	UBND các tỉnh; các Tổ chức; cơ quan, đơn vị, có liên quan	2021-2022	2022-2030
1.4	Đẩy mạnh cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững; tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách và hướng dẫn kỹ thuật về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng.	Tổng cục Lâm nghiệp	UBND các tỉnh; các Hiệp hội; cơ quan, đơn vị, có liên quan	Hàng năm	Hàng năm
1.5	Thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá tài nguyên rừng; ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS), công nghệ thông tin trong quản lý ngành lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp	UBND các tỉnh; các cơ quan, đơn vị, có liên quan	2021	2021-2030
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng quốc gia.	Viện Điều tra Quy hoạch rừng	Tổng cục Lâm nghiệp; các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030
1.7	Triển khai phát triển lâm nghiệp cộng đồng, gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, lấy người dân làm trung tâm	Tổng cục Lâm nghiệp	UBND các tỉnh; các Tổ chức; cơ quan, đơn vị, có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2	Phát triển rừng				
2.1	Phát triển vùng rừng trồng cung cấp nguyên liệu tập trung, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn.	UBND các tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2.2	Đẩy mạnh nghiên cứu, chọn, tạo và chuyển giao giống cây trồng lâm nghiệp, cây bản địa, ưu tiên phát triển giống được sản xuất từ cây mô, hom để trồng rừng sản xuất.	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	UBND các tỉnh; Tổng cục Lâm nghiệp; các Tổ chức; cơ quan, đơn vị, có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2.3	Phục hồi rừng tự nhiên bằng các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến	UBND các tỉnh	Tổng cục Lâm nghiệp; các cơ quan,	Hàng năm	2021-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
	tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, nuôi dưỡng và làm giàu rừng		đơn vị, địa phương có liên quan		
2.4	Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng sản xuất theo hướng tối ưu hóa hệ thống sản xuất và chuỗi giá trị lâm sản thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ	UBND các tỉnh	Tổng cục Lâm nghiệp; các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2.5	Phát triển hệ thống rừng đặc dụng, bảo tồn và phát huy giá trị nguồn gen cây rừng, tài nguyên rừng và đa dạng sinh học; duy trì và nâng cao chất lượng rừng phòng hộ	UBND các tỉnh	Tổng cục Lâm nghiệp; các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2.6	Phát triển nông lâm kết hợp, các loài cây trồng rừng đa mục đích, lâm sản ngoài gỗ theo hướng sản xuất hàng hóa	UBND các tỉnh	Tổng cục Lâm nghiệp; các Tổ chức; cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2.7	Đánh giá, tư liệu hóa tài nguyên đa dạng sinh học phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và cung cấp nguồn vật liệu cho lai tạo giống, phát triển rừng trồng, tạo sản phẩm mới, thương hiệu mới.	Tổng cục Lâm nghiệp	Các Tổ chức; Hiệp hội; cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2021-2022	2021-2030
3	Sử dụng rừng				
3.1	Tiếp tục thực hiện chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên đến năm 2030, không khai thác gỗ từ rừng tự nhiên; sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học, các nguồn gen, loại sinh vật và hệ sinh thái rừng	UBND các tỉnh	Tổng cục Lâm nghiệp; các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030
3.2	Nghiên cứu cơ chế, chính sách để hạn chế khai thác sử dụng gỗ non từ rừng trồng còn ít tuổi, đang trong thời kỳ sinh trưởng mạnh, khuyến khích trồng rừng gỗ lớn	Tổng cục Lâm nghiệp	Các Tổ chức; Viện, trường; cơ quan, đơn vị, địa phương có liên	2021-2022	2021-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
	cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên liệu cho chế biến gỗ và lâm sản		quan		
3.3	Nghiên cứu phương án khai thác hợp lý rừng phòng hộ là rừng trồng sau năm 2025	UBND các tỉnh	Tổng cục Lâm nghiệp; các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2025	2025-2030
3.4	Phát huy tối đa các dịch vụ lâm nghiệp, dịch vụ môi trường rừng để tạo nguồn thu; đẩy mạnh các nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, khai thác các tiềm năng, các dịch vụ mới để tăng nguồn thu, đặc biệt là dịch vụ du lịch sinh thái, các dịch vụ hấp thụ và lưu giữ carbon	Tổng cục Lâm nghiệp	Các Tổ chức; Viện, trường; cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030
3.5	Đẩy mạnh gây trồng, sử dụng lâm sản ngoài gỗ, tập trung vào các nhóm sản phẩm có thể mạnh, có giá trị kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế của các vùng	UBND các tỉnh	Tổng cục Lâm nghiệp; các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030
3.6	Nghiên cứu cơ chế, chính sách để chủ rừng được quản lý, khai thác, phát triển và sử dụng bền vững lâm sản ngoài gỗ.	Tổng cục Lâm nghiệp	Các Tổ chức; Viện, trường; cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2021-2022	2021-2030
4	Phát triển công nghiệp chế biến, thương mại lâm sản				
4.1	Thúc đẩy, hình thành được những doanh nghiệp lớn, khu công nghiệp lớn, hiện đại mang tầm cỡ khu vực và thế giới, đủ năng lực về công nghệ và trình độ quản trị để tổ chức sản xuất ra sản phẩm chất lượng, có thương hiệu, sức cạnh tranh cao và tham gia sâu, rộng trong	Cục Chế biến và Phát triển Thị trường Nông sản; Tổng cục Lâm nghiệp	UBND các tỉnh; Hiệp Hội gỗ và Lâm sản; các cơ quan, đơn vị liên quan	2024-2025	2025-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
	chuỗi giá trị toàn cầu.				
4.2	Phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ như: thiết bị chế biến gỗ, keo, sơn phủ bề mặt, phụ kiện,...	Tổng cục Lâm nghiệp, UBND các tỉnh	Cục Chế biến và Phát triển Thị trường Nông sản; Hiệp Hội gỗ và Lâm sản; các cơ quan, đơn vị liên quan	2024-2025	2025-2030
4.3	Phát triển sản xuất, chế biến sâu các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ có giá trị, thế mạnh của từng vùng	UBND các tỉnh	Cục Chế biến và Phát triển Thị trường Nông sản; Tổng cục Lâm nghiệp; Hiệp Hội gỗ và Lâm sản; các cơ quan, đơn vị liên quan	2023	2023-2030
4.4	Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm chế biến phù hợp nhu cầu thị trường trong và ngoài nước	Cục Chế biến và Phát triển Thị trường Nông sản; Tổng cục Lâm nghiệp	UBND các tỉnh; Hiệp Hội gỗ và Lâm sản; các cơ quan, đơn vị, liên quan	2022	2022-2030
4.5	Phát triển các hình thức thương mại hiện đại, cùng với xây dựng thương hiệu gỗ Việt và sử dụng nguồn gỗ hợp pháp, được cấp chứng chỉ quản lý chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) cho các mặt hàng xuất khẩu.	Cục Chế biến và Phát triển Thị trường Nông sản	Tổng cục Lâm nghiệp; UBND các tỉnh; Hiệp Hội gỗ và Lâm sản; các cơ quan, đơn vị, liên quan	2022	2022-2030
4.6	Mở rộng thị trường xuất khẩu gỗ để đảm bảo phát triển ổn định, bền vững	Cục Chế biến và Phát triển Thị trường Nông sản	Tổng cục Lâm nghiệp; UBND các tỉnh; Hiệp Hội gỗ và Lâm sản; các cơ quan, đơn vị, liên quan	Hàng năm	2021-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
V	BỐ TRÍ, HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÀNH LÂM NGHIỆP				
1	Đa dạng nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện Chiến lược, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định	Tổng cục Lâm nghiệp; UBND các tỉnh	Các Tổ chức; cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2	Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn thực hiện Chiến lược				
2.1	Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho ngành lâm nghiệp theo các cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn thực hiện Chiến lược	Tổng cục Lâm nghiệp; UBND các tỉnh	Các Tổ chức; cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2.2	Tăng cường vận động, tạo cơ chế huy động các nguồn đầu tư, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước vào lĩnh vực lâm nghiệp, bảo vệ và phát triển rừng; phát triển cây xanh	Tổng cục Lâm nghiệp; UBND các tỉnh	Các Tổ chức; cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2.3	Tiếp tục nghiên cứu mở rộng các nguồn thu cho ngành lâm nghiệp; khai thác các tiềm năng dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ mới, du lịch sinh thái, dịch vụ hấp thụ các bon,....	Tổng cục Lâm nghiệp; UBND các tỉnh	Các Tổ chức; cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030
VI	XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐỒNG BỘ VÀ HIỆN ĐẠI HÓA NGÀNH LÂM NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ LOGISTICS				
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đáp ứng yêu cầu trong phát triển; gắn kết các vùng nguyên liệu, nâng cao hiệu quả sản xuất ngành lâm nghiệp				
1.1	Phát triển hệ thống đường lâm nghiệp gắn kết vùng nguyên liệu quy mô, tập trung với nhà máy chế biến; giảm chi phí vận chuyển, tăng giá trị sản phẩm gỗ.	UBND các tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
1.2	Đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đáp ứng nhu cầu áp dụng máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất lâm nghiệp	UBND các tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030
1.3	Ưu tiên, tăng cường nâng cao năng lực, cơ sở vật chất, xây dựng trung tâm theo dõi, giám sát tài nguyên rừng đạt tầm cỡ khu vực; trang thiết bị và các công trình phòng cháy, chữa cháy rừng	Tổng cục Lâm nghiệp	UBND các tỉnh; các Tổ chức; cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030
1.4	Xây dựng các khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại 03 miền Bắc, miền Trung và miền Nam	Tổng cục Lâm nghiệp	UBND các tỉnh; các Tổ chức; cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2	Đẩy mạnh cơ giới hóa, tự động hóa đồng bộ tại các vùng sản xuất lâm nghiệp hàng hóa tập trung				
2.1	Đẩy mạnh cơ giới hóa, tự động hóa đồng bộ tại các vùng sản xuất lâm nghiệp hàng hóa tập trung trong các khâu làm đất, giống, trồng cây, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, phòng chống cháy rừng, khai thác vận chuyển gỗ và lâm sản	UBND các tỉnh	Tổng cục Lâm nghiệp; Cục Kinh tế hợp tác và PTNT; Cục Chế biến và Phát triển Thị trường Nông sản; chủ rừng; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
2.2	Phát triển công nghiệp chế tạo máy, thiết bị lâm nghiệp, công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistic	UBND các tỉnh	Cục Chế biến và Phát triển Thị trường Nông sản; Cục Kinh tế hợp tác và PTNT; Tổng cục Lâm nghiệp; Chủ rừng; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
2.3	Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng logistics, kho bãi phục vụ phát triển sản xuất, bảo quản và chế biến lâm sản.	UBND các tỉnh	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT; Tổng cục Lâm nghiệp; chủ rừng; các cơ quan, đơn vị liên quan	2022	2022-2030
2.4	Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp cơ khí, hóa chất và công nghiệp sinh học phục vụ sản xuất lâm nghiệp.	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Tổng cục Lâm nghiệp; UBND các tỉnh; Hiệp Hội gỗ và Lâm sản; các cơ quan, đơn vị liên quan	2025	2025-2030
3	Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về cơ giới hóa và chế biến lâm sản				
3.1	Tăng cường năng lực nghiên cứu, phối hợp chặt chẽ với các hiệp hội gỗ và lâm sản trên cả nước để nắm bắt tình hình, dự báo và thông tin thị trường	Tổng cục Lâm nghiệp	UBND các tỉnh; Hiệp Hội gỗ và Lâm sản; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
3.2	Thường xuyên cập nhật thông tin về chính sách thương mại của các quốc gia và của từng thị trường về thị phần, thị hiếu, giá cả, tiêu chuẩn sản phẩm, các rào cản...;	Tổng cục Lâm nghiệp	UBND các tỉnh; Hiệp Hội gỗ và Lâm sản; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
4	Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường, đa dạng hóa thị trường nhất là phát triển các thị trường tiềm năng, thị trường mới nổi.	Tổng cục Lâm nghiệp	UBND các tỉnh; Hiệp Hội gỗ và Lâm sản; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
5	Xây dựng và phát triển thương hiệu gỗ Việt.	Tổng cục Lâm nghiệp	UBND các tỉnh; Hiệp Hội gỗ và Lâm sản; các cơ quan, đơn vị	2021-2022	2022-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
			liên quan		
VII	PHÁT TRIỂN, ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHUYẾN LÂM				
1	Tăng cường nghiên cứu; ứng dụng, chuyển giao tiến bộ, khoa học công nghệ				
1.1	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đáp ứng yêu cầu của sản xuất và thị trường, khuyến khích đổi mới, sáng tạo để tạo ra các giá trị và sản phẩm mới, có sự tham gia của các chủ rừng và doanh nghiệp	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam; Trường Đại học Lâm nghiệp.	Tổng cục Lâm nghiệp; Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; các Tổ chức; các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
1.2	Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ, khoa học công nghệ, công nghệ thông tin trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị ngành lâm nghiệp	Viện Khoa học Lâm nghiệp; Trường Đại học Lâm nghiệp;	Tổng cục Lâm nghiệp; Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; các Tổ chức; các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
1.3	Thực hiện nghiên cứu theo cơ chế đặt hàng; gắn kết các tổ chức nghiên cứu khoa học với doanh nghiệp và người trồng rừng	Tổng cục Lâm nghiệp	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; UBND các tỉnh; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2022-2030
1.4	Áp dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, chế biến sâu, tiết kiệm nguyên liệu; khuyến khích phát triển các vật liệu mới thay thế gỗ, kết hợp gỗ nhựa, gỗ kim loại,...	UBND các tỉnh	Chủ rừng; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
1.5	Tăng cường ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS trong điều tra và quản lý tài nguyên rừng.	Viện Điều tra Quy hoạch rừng	Tổng cục Lâm nghiệp; các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
2	Xây dựng các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ; tiêu chuẩn; quy chuẩn; định mức				
2.1	Xây dựng các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ tập trung một số lĩnh vực ưu tiên trong lâm nghiệp	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Tổng cục Lâm nghiệp; Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, Trường Đại học Lâm nghiệp; các Tổ chức; các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
2.2	Xây dựng, hoàn thiện định mức kinh tế, kỹ thuật trong lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp	Viện Khoa học Lâm nghiệp; Trường Đại học Lâm nghiệp; Viện Điều tra Quy hoạch rừng; các Tổ chức; các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan	2021-2022	2021-2030
2.3	Xây dựng hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia về lâm nghiệp, quản lý rừng bền vững, chuỗi giá trị lâm sản, các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ.	Tổng cục Lâm nghiệp	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Viện Khoa học Lâm nghiệp; Trường Đại học Lâm nghiệp; Viện Điều tra Quy hoạch	Hàng năm	2021-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
			rừng; các Tổ chức; các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan		
2.4	Tính toán, lượng hóa tổng giá trị kinh tế (quy đổi) của rừng, đóng góp trong phát triển kinh tế xanh, GDP xanh của đất nước.	Tổng cục Lâm nghiệp	Các Tổ chức; các cơ quan, đơn vị liên quan	2021-2022	2021-2030
3	Tăng cường năng lực hệ thống nghiên cứu và khuyến lâm				
3.1	Tăng cường đầu tư nâng cao năng lực, hoàn thiện hệ thống điều tra, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng toàn quốc	Viện Điều tra Quy hoạch rừng	Tổng cục Lâm nghiệp; các Tổ chức; các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
3.2	Thực hiện kết hợp nghiên cứu với đào tạo và khuyến lâm, giữa sản xuất và chế biến tiêu thụ sản phẩm tạo thành chuỗi nghiên cứu khép kín trong đào tạo	Tổng cục Lâm nghiệp	Trung tâm Khuyến Nông Quốc gia; các Tổ chức; các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
3.3	Đổi mới cơ chế, hình thức và phương pháp khuyến lâm; đẩy mạnh hợp tác quốc tế; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ vào sản xuất, phát triển hệ thống khuyến lâm	Trung tâm Khuyến Nông Quốc gia	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Tổng cục Lâm nghiệp; các Tổ chức; các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
VIII	TỔ CHỨC SẢN XUẤT KINH DOANH, TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐÀO TẠO				

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
NGUỒN NHÂN LỰC					
1	Tăng cường năng lực trong công tác quản lý				
1.1	Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý ngành lâm nghiệp tinh gọn, thống nhất, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, chuyên nghiệp	UBND các tỉnh; Tổng cục Lâm nghiệp	Chủ rừng; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
1.2	Kiện toàn hệ thống kiểm lâm, tăng cường lực lượng kiểm lâm địa bàn và lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách	UBND các tỉnh; Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
1.3	Rà soát, sắp xếp lại, kiện toàn các ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ theo hướng tinh gọn, hiệu quả	UBND các tỉnh	Chủ rừng; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
2	Tăng cường năng lực cơ sở đào tạo; phát triển nguồn nhân lực				
2.1	Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực của ngành, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành lâm nghiệp	Trường Đại học Lâm nghiệp	Viện Khoa học Lâm nghiệp; các cơ sở đào tạo ngành Lâm nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
2.2	Tăng cường đào tạo nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đủ trình độ tiếp cận công nghệ hiện đại, để tạo những bước đột phá trong nghiên cứu, chọn, tạo và sản xuất giống, công nghệ sinh học, ứng dụng công nghệ cao trong lâm nghiệp.	Trường Đại học Lâm nghiệp	Viện Khoa học Lâm nghiệp; các cơ sở đào tạo ngành Lâm nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
2.3	Đổi mới hoạt động và tăng cường năng lực cho các cơ sở đào tạo, nghiên cứu về lâm nghiệp	Trường Đại học Lâm nghiệp; Viện Khoa học Lâm nghiệp	Các cơ sở đào tạo ngành Lâm nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
2.4	Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp	UBND các tỉnh	Tổng cục Lâm	Hàng năm	2021-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
	và các tổ chức đào tạo thực hiện hợp tác và hỗ trợ trong đào tạo, nâng cao kỹ năng cho lao động của doanh nghiệp		nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan		
2.5	Mở rộng các hình thức đào tạo nghề gắn với chuyển giao công nghệ mới, chuyển giao kỹ thuật và quy trình sản xuất mới cho các hộ nông dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số.	Trường Đại học Lâm nghiệp	Viện Khoa học Lâm nghiệp; các cơ sở đào tạo ngành Lâm nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
3	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành lâm nghiệp				
3.1	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý ngành lâm nghiệp chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả	UBND các tỉnh; Tổng cục Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
3.2	Tổ chức đào tạo cán bộ nghiên cứu, giảng dạy có trình độ chuyên sâu của một số lĩnh vực quan trọng; đào tạo nghề liên quan đến phát triển, sử dụng rừng, chế biến gỗ và lâm sản	Trường Đại học Lâm nghiệp	Viện Khoa học Lâm nghiệp; các cơ sở đào tạo ngành Lâm nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
3.3	Tăng cường các hình thức đào tạo trong và ngoài nước cho cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu, và cán bộ về phát triển thị trường để tăng cường và bổ sung đội ngũ các nhà doanh nghiệp kinh doanh giỏi	UBND các tỉnh; Tổng cục Lâm nghiệp	Trường Đại học Lâm nghiệp; Viện Khoa học Lâm nghiệp; các cơ sở đào tạo ngành Lâm nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
4	Tổ chức sản xuất kinh doanh				
4.1	Phát triển các hình thức liên kết giữa các thành phần kinh tế, kinh tế hợp tác, kinh tế chia sẻ trong lâm	UBND các tỉnh	Tổng cục Lâm nghiệp; các cơ quan,	Hàng năm	2021-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
	ngành		đơn vị liên quan		
4.2	Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty lâm nghiệp; phát triển lâm nghiệp hộ gia đình, trang trại, cộng đồng thôn bản và hợp tác xã.	UBND các tỉnh	Tổng cục Lâm nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
4.3	Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các hội, hiệp hội ngành hàng phù hợp với nền kinh tế thị trường	UBND các tỉnh	Tổng cục Lâm nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
4.4	Phát triển các mô hình sinh kế giúp cải thiện đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo vệ và phát triển rừng	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030
4.5	Phát triển các mô hình bảo hiểm trong lâm nghiệp, bảo hiểm rừng trồng	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030
IX	TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ				
1	Tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế về lâm nghiệp; tham gia tích cực và tác chặt chẽ với các tổ chức lâm nghiệp quốc tế, khu vực và song phương về triển khai các chương trình, dự án, hoạt động tăng ường năng lực, chuyên giao, hợp tác trong lĩnh vực lâm nghiệp.	Vụ Hợp tác Quốc tế; Tổng cục Lâm nghiệp	Các Tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
2	Phát triển thị trường lâm sản, chủ động tham gia chuỗi cung lâm sản toàn cầu; hài hòa các quy định về lâm nghiệp của quốc gia với quốc tế	Tổng cục Lâm nghiệp	Vụ Hợp tác Quốc tế; các Tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
3	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả, trách nhiệm các thoả thuận đa phương, các cam kết quốc tế liên quan đến lâm nghiệp.	Vụ Hợp tác Quốc tế; Tổng cục Lâm nghiệp	Các Tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
X	TỔ CHỨC GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CHIẾN LƯỢC				

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng Bộ chỉ số theo dõi và quy trình giám sát, đánh giá Chiến lược.	Tổng cục Lâm nghiệp	Các Tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương, đơn vị liên quan	2021	Năm 2021
2	Xây dựng, triển khai Dự án tăng cường năng lực thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tổng cục Lâm nghiệp	Các Tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương, đơn vị liên quan	2021; 2025	2021-2025; 2026-2030
3	Xây dựng, triển khai hệ thống lập kế hoạch và giám sát ngành lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp	Các Tổ chức, cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm	Hàng năm
4	Theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược.	Tổng cục Lâm nghiệp	Các Tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm	Hàng năm
5	Định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược.	Tổng cục Lâm nghiệp	Các đơn vị thuộc Bộ; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương liên quan	Hàng năm; 5 năm; 10 năm	Hàng năm; 5 năm; 10 năm